

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên;
- Bà Trần Thị Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Minh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1015/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 850/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Số A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang D**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T1

Địa chỉ: 321-323-325 P, KDC H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Trần Hải Thanh S, sinh năm: 1990 (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: R KP S, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Bà **Trần Hoàng Ngọc C**, sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: A P, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn ông Trần Hải Thanh S trình bày:

Ngày 23/08/2018, bà Trần Hoàng Ngọc C đã đề nghị Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T1 phát hành thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

- Loại thẻ: V Visa

- Tài khoản thẻ tín dụng: V0170000218

- Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).

- Phương thức thanh toán: T nợ từ tài khoản thanh toán của Bà Trần Hoàng Ngọc C , số tài khoản: 0441000018921 tại V.

- Tài sản bảo đảm: Tin chấp.

- Mục đích: Tiêu dùng.

Tạm tính đến hết ngày 22/01/2025, tổng dư nợ thẻ tín dụng V0170000218 của bà Trần Hoàng Ngọc C tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T1 là **254.113.376 đồng** (Hai trăm năm bốn triệu, một trăm mười ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng), chi tiết như sau:

- Dư nợ gốc: 111.149.575 đồng

- Dư nợ lãi: 45.762.810 đồng

- Phí: 97.200.991 đồng

Sau khi sử dụng thẻ tín dụng chi tiêu, khi đến hạn trả nợ gốc, lãi và phí của thẻ tín dụng hàng tháng, bà Trần Hoàng Ngọc C đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng TMCP N. Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T1 đã nhiều lần gọi điện nhưng không liên hệ được khách hàng, thông báo nhắc nợ nhưng khách hàng không phản hồi, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP N.

Căn cứ việc bà Trần Hoàng Ngọc C không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N, cố tình không hợp tác, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP N thông qua Ngân hàng TMCP N Chi nhánh T1 yêu cầu Tòa án tuyên như sau: Buộc bà Trần Hoàng Ngọc C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 23/01/2025 là 254.113.376 đồng (Hai trăm năm bốn triệu, một trăm mười ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng), gồm: nợ gốc là 111.149.575 đồng, dư nợ lãi là 45.762.810 đồng và phí là 97.200.991 đồng. Bà C còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP N tiền lãi và phí kể từ ngày 24/01/2025 cho đến khi bà Trần Hoàng Ngọc C trả hết nợ.

Trong trường hợp bà Trần Hoàng Ngọc C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng

TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền rà soát thu hồi từ tiền tại các tổ chức tín dụng khác hoặc phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Hoàng Ngọc C theo đúng quy định của pháp luật để trả toàn bộ số nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng TMCP N.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Hoàng Ngọc C vắng mặt không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng TMCP N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Hoàng Ngọc C. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N và bà C phát sinh từ hoạt động của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T1. Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T1 có địa chỉ tại huyện B. Đồng thời, Ngân hàng TMCP N lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết vụ án nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hải Thanh S có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Trần Hoàng Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Hoàng Ngọc C vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP N và bà Trần Hoàng Ngọc C được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm

2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5]. Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6]. Tòa án triệu tập bà Trần Hoàng Ngọc C đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP N nhưng bà C không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, bà C đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[7]. Căn cứ Văn bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T1 và bà C, bảng tóm tắt sao kê, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Hoàng Ngọc C với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà C còn nợ Ngân hàng TMCP N tạm tính đến ngày 23/01/2025 là 254.113.376 đồng (*Hai trăm năm bốn triệu, một trăm mười ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó: nợ gốc là 111.149.575 đồng, dư nợ lãi là 45.762.810 đồng và phí là 97.200.991 đồng.

[8]. Bà Trần Hoàng Ngọc C đã vi phạm thỏa thuận tại các điều khoản mà hai bên đã giao kết, vi phạm Điều 466 của Bộ Luật dân sự 2015.

[9]. Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”.

Tại Điều 2 Văn bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/8/2018 quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ: “*...Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các khoản vay (bao gồm cả gốc, lãi và phí phát sinh) theo quy định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ ...*”.

Tại khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định nghĩa vụ của chủ thẻ: “*2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ ...*”.

[10]. Đối chiếu các quy định như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 23/01/2025 là 254.113.376 đồng (*Hai trăm năm bốn triệu, một trăm mười ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó: nợ gốc là 111.149.575 đồng, dư nợ lãi là 45.762.810 đồng và phí là 97.200.991 đồng. Đồng thời, kể từ ngày 24/01/2025, bị đơn còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phí phát sinh cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại Văn bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/8/2018 cho đến khi bị đơn trả nợ xong. Trong trường hợp bà Trần Hoàng Ngọc C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền rà soát thu hồi từ tiền tại các tổ chức tín dụng khác hoặc phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Hoàng Ngọc C theo đúng quy định của pháp luật để trả toàn bộ số nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng TMCP N.

[11]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12]. Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

[13]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N1;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP N.

1.1. Buộc bà Trần Hoàng Ngọc C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 254.113.376 đồng (*Hai trăm năm bốn triệu, một trăm mười ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó: nợ gốc là 111.149.575 đồng, dư nợ lãi là 45.762.810 đồng và phí là 97.200.991 đồng.

1.2. Kể từ ngày 24/01/2025, bà Trần Hoàng Ngọc C còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phí phát sinh cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại Văn bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/8/2018 cho đến khi bị đơn trả nợ xong. Trong trường hợp bà Trần Hoàng Ngọc C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền rà soát thu hồi từ tiền tại các tổ chức tín dụng khác hoặc phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Hoàng Ngọc C theo đúng quy định của pháp luật để trả toàn bộ số nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng TMCP N.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Bà Trần Hoàng Ngọc C chịu 12.705.669 đồng (mười hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. H lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.324.995 đồng (bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033732 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; (2) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP . HCM; (1)

- Viện kiểm sát nhân dân H.BC; (2)

- Chi cục THADS H.BC; (1)

- Lưu: VT, hồ sơ. (1)

2AAKKBO*aihcaa+

Nguyễn Tấn Việt